

Số: 1642 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp
tại khu vực phường Hóp, xã Phong An, huyện Phong Điền”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Công văn số 1830/STNMT-MT ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Giám đốc
Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi
trường của Dự án “Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực phường
Hóp, xã Phong An, huyện Phong Điền”;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Khai thác khoáng
sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực phường Hóp, xã Phong An, huyện Phong Điền”
đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 99/Cty-CV ngày 27 tháng
6 năm 2022 của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp 1 - 5;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
319/TTr- STNMT-MT ngày 01/7/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực phường Hóp, xã
Phong An, huyện Phong Điền” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Lâm
nghiệp 1 - 5 (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại khu vực phường Hóp, xã Phong
An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ
môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phong Điền;
- UBND xã Phong An;
- Cty Cổ phần Lâm nghiệp 1 - 5;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TN.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “Khai Thác Khoáng Sản Đất Làm Vật Liệu San
Lấp Tại Khu Vực Phường Hóp, Xã Phong An, Huyện Phong Điền”**

*(Kèm theo Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực phường Hóp, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Địa điểm thực hiện: khu vực phường Hóp, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Lâm nghiệp 1 - 5.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi, quy mô:

- Phạm vi, quy mô: mỏ khai thác thuộc khu vực phường Hóp, xã Phong An, huyện Phong Điền có diện tích là 8,93ha.
- Trữ lượng khai thác toàn bộ khu mỏ: 1.097.531m³.

1.2.2. Công suất:

- Công suất khai thác: 550.000 m³ nguyên khối/năm.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Các hạng mục công trình chính, phụ trợ của Dự án gồm nhà nghỉ trưa, tuyến đường vận chuyển,...
- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án gồm hệ thống thu gom, thoát nước mưa (mương thu gom, đê bao, 01 hồ lắng), hệ thống thu gom xử lý nước thải (nhà vệ sinh di động, hồ lắng cạnh trạm xịt, rửa lớp xe và tái sử dụng cho hoạt động xịt, rửa lớp xe), 01 thùng chứa CTR, 01 thùng chứa CTNH, 01 trạm xịt, rửa lớp xe tự động, 02 xe bồn phun nước chống bụi.

- Các hoạt động của Dự án có khả năng tác động đến môi trường gồm: khai thác đất tại mỏ và vận chuyển đất đến các công trình.

1.4. Các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án:

- Hoạt động khai thác và vận chuyển đất san lấp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến cán bộ công nhân khai thác của Dự án, người dân tham gia giao thông và người dân sống hai bên tuyến đường vận chuyển. Gần Dự án là rừng sản xuất (keo lai và thông) và ruộng lúa của người dân, bụi phát sinh có thể ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của các loài cây trồng này.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Hoạt động khai thác đất tại khu mỏ và vận chuyển đất đến các công trình.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn khai thác

3.1.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải: phát sinh từ hoạt động xịt, rửa lớp xe, hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân và nước mưa chảy tràn.

+ Nước thải từ hoạt động xịt, rửa lớp xe: lưu lượng phát sinh khoảng 10,05m³/ngày.

+ Nước thải sinh hoạt: lưu lượng phát sinh 0,5 m³/ngày.

+ Nước mưa chảy tràn: nước mưa chảy tràn tại khu vực khai thác, lưu lượng khoảng 597 m³/ngày; nước mưa chảy tràn trên toàn lưu vực, lưu lượng khoảng 731 m³/ngày.

- Bụi, khí thải: phát sinh chủ yếu từ hoạt động xúc bốc lên phương tiện vận chuyển và bụi sinh ra từ khói thải của các phương tiện, thiết bị khai thác và hoạt động vận chuyển đất đi tiêu thụ bằng xe tải trên đường.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân, hoạt động nạo vét hồ lắng.

+ Hoạt động sinh hoạt: khối lượng khoảng 3,5 kg/ngày.

+ Hoạt động nạo vét hồ lắng: tại hồ lắng 1, khối lượng khoảng 200 m³/lần nạo vét; tại hồ lắng 2, khối lượng khoảng 25 m³/lần nạo vét; hồ lắng tại trạm xịt rửa lớp xe, khối lượng khoảng 15,75 m³/lần nạo vét.

- Chất thải nguy hại: thành phần chủ yếu là giẻ lau dầu mỡ, khối lượng khoảng 4,0 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông, máy móc thiết bị khai thác và vận chuyển.

3.1.4. Sự cố môi trường:

- Quá trình khai thác có nguy cơ xảy ra các sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố sạt lở đất; sự cố tai nạn tại công trình; sự cố dịch bệnh, an toàn thực phẩm; sự cố đối với hồ lắng.

3.1.5. Các tác động khác:

- Quá trình khai thác có nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động giao thông, vận tải chung của khu vực, an ninh trật tự chung của khu vực, tác động đến cảnh quan môi trường sinh thái.

3.2. Giai đoạn đóng cửa mỏ:

- Bụi và khí thải phát sinh từ các hoạt động san gạt để trồng cây và hoạt động của các phương tiện, máy móc từ quá trình san gạt làm phát sinh bụi và khí thải.

- Chất thải hữu cơ (rác, lá cây) phát sinh từ hoạt động trồng cây phục hồi môi trường với khối lượng tương đối ít không đáng kể.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn đóng cửa mỏ với khối lượng khoảng 3,5 kg/ngày.

- Phế liệu từ quá trình tháo dỡ nhà nghỉ trưa.

- Một số nguồn tác động khác như tiếng ồn, giảm nguồn cung cấp vật liệu san lấp.

- Các rủi ro, sự cố có thể phát sinh như sự cố cháy rừng, tai nạn lao động và sự cố sạt lở đất.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn khai thác

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải từ hoạt động xịt, rửa lốp xe:

+ Nước thải từ quá trình xịt, rửa lốp xe tự động được thu gom về hố lắng thể tích 5,0 m³ cạnh trạm xịt rửa lốp xe, sau đó tuần hoàn sử dụng để xịt, rửa lốp xe.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Sử dụng nhà vệ sinh di động để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Xây dựng, mở rộng mương thu gom nước mưa xung quanh khu mỏ để dẫn nước mưa chảy tràn về 02 hố lắng (hố lắng 1 và hố lắng 2). Mương thu gom dạng hình thang với chiều cao mương 0,4m, chiều rộng mặt trên 1,9m, chiều rộng mặt đáy 1,5 m, chiều dài mương: 545m, kết cấu mương dẫn: mương đất.

+ Xây dựng đê bao xung quanh khu vực đã khai thác để tránh nước mưa chảy tràn vào môi trường xung quanh. Kích thước: 1m x 0,5m, chiều dài tuyến đê: 446m, kết cấu: đê đất.

+ Bố trí 2 hố lắng để lắng cặn:

* Hồ lắng 1 ở phía Tây Dự án tại mốc M1. Thể tích khoảng 4.000m³ (chiều dài: 140m, chiều rộng: 14m, chiều cao: 2m). Vị trí hồ lắng: phía Tây Dự án. Tọa độ (hệ tọa độ VN-2.000, KTT 107⁰ múi chiếu 3⁰): X: 1.828.282 (m); Y: 543.810 (m).

* Hồ lắng 2 ở hướng Tây Nam Dự án tại mốc M5. Thể tích khoảng 500m³ (chiều dài: 25m, chiều rộng: 10m, chiều cao: 2m). Vị trí hồ lắng: hướng Tây Nam Dự án. Tọa độ (hệ tọa độ VN-2000, KTT 1070 múi chiếu 30): X: 1.828.081 (m); Y: 543.677 (m).

+ Lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm ở vị trí hồ lắng để tránh các tai nạn đáng tiếc xảy ra. Định kỳ nạo vét 1 tháng/lần để đảm bảo công năng của hồ lắng.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Bố trí 1 xe bồn tưới nước giảm bụi dọc theo tuyến đường vận chuyển phạm vi từ Dự án đến đường Quốc lộ 1A (theo tuyến về trang trại Hoàng Bằng qua ngã ba Độn Hóc) với tần suất tưới là 12 lượt/ngày/mỗi tuyến đường và 01 xe bồn tưới nước chống bụi liên tục tại khu vực khai trường.

- Hợp đồng thuê lại các dân có nhà nằm trên tuyến đường vận chuyển cùng phun nước chống bụi tại các vị trí trước nhà của hộ dân.

- Bố trí 01 trạm xịt, rửa lốp xe tự động tại ngay cổng trang trại Hoàng Bằng để làm sạch bánh xe trước khi ra khỏi khu vực khai thác trước khi vào đường Quốc lộ 1 A. Nguồn nước lấy tại các hồ nước tại trang trại Tổng hợp Hoàng Bằng.

+ Thông số kỹ thuật của trạm xịt, rửa lốp xe bao gồm:

Hệ thống rửa gầm và bánh xe: Mã sản phẩm: YGC22-01-22, hãng sản xuất: Công ty Cổ phần Yamaguchi Việt Nam, xuất xứ: Việt Nam; Bề rộng xe vào rửa tối đa: 2.500mm (2 mép ngoài bánh); Khả năng chịu tải: 60 tấn; Rửa: gầm xe, các bánh xe; Tốc độ rửa: 30 - 60 giây/xe. Thời gian rửa có thể thay đổi cho từng loại xe và độ bụi bẩn.

Tủ điều khiển: bằng thép sơn tĩnh điện chuyên dùng bền với môi trường ẩm ướt; Tổng công suất: 22kW/h; Nguồn điện 3 pha 380V.

Máy rửa gầm và bánh bao gồm đường ống, béc phun rửa; kích thước: dài 2.200 x rộng 3.700mm: 1 bộ.

Máy bơm nước cho hệ thống rửa công suất 22kW: 01 cái.

Tủ điều khiển tự động (điều khiển toàn bộ hệ thống): 1pcs; sensor cảm biến tự động nhận diện xe vào hệ thống: 01 bộ.

+ Quy trình vận hành: trạm xịt, rửa lốp xe gồm hệ thống cảm biến và phun nước tự động. Các phương tiện vận chuyển đi vào trạm đúng vị trí, nước sẽ tự động phun để làm sạch hết các bụi bẩn dính bám trên lốp xe. Đồng thời lúc này hệ thống đèn giao thông cảnh báo sẽ hiển thị màu đỏ để cảnh báo những xe khác đang có xe đang ở trạm

xịt rửa lớp xe, không đi tiếp nữa. Lúc này barrier ở trạng thái đóng để đảm bảo xe không đi qua, xe ở trạm sẽ được phun rửa tự động theo chế độ đã cài đặt trước.

Sau khi được làm sạch theo đúng quy trình và thời gian cài đặt, barrier sẽ mở và hệ thống đèn cảnh báo sẽ chuyển qua màu xanh. Lúc này tài xế sẽ điều khiển xe qua khu vực rửa, cùng lúc xe tiếp theo sẽ được di chuyển vào vị trí làm sạch.

+ Vị trí trạm xịt, rửa lớp xe (hệ tọa độ VN-2.000, KTT 107⁰ múi chiều 3⁰): X: 1.829.470,54 (m); Y: 545.600,29 (m).

- Lắp tua dây cao su tiếp xúc bánh xe để giảm bụi có thể xả ra từ bánh xe khi vận chuyển trên đường.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 01 thùng rác có nắp đậy kín (dung tích 120l) đặt tại nhà nghỉ trưa của công nhân để thu gom chất thải sinh hoạt. Định kỳ 2 ngày/lần sẽ vận chuyển về thùng rác của Công ty để đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý.

- Chất thải rắn thông thường: bùn đất từ quá trình nạo vét hồ lắng định kỳ được tập trung tại khu vực đã khai thác để tận dụng cho hoạt động san gạt, trồng cây cải tạo, phục hồi môi trường Dự án sau này.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí 01 thùng chứa (dung tích 120 lít) để lưu giữ chất thải nguy hại và thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng máy móc thiết bị, vận chuyển hợp lý về cả số lượng các loại máy móc, phương tiện và lộ trình di chuyển; không tập trung nhiều máy móc, phương tiện vận chuyển vào cùng một thời điểm, trên cùng một khu vực, tránh cộng hưởng tiếng ồn, độ rung.

- Điều chỉnh số lượng máy móc sử dụng một cách luân phiên cho hợp lý để hạn chế sự cộng hưởng tiếng ồn, độ rung; không sử dụng còi hơi và giảm tốc độ xe khi đi qua các khu vực dân cư, trường học.

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý. Hạn chế vận chuyển vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi của người dân.

- Đối với những công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn ồn, trang bị các dụng cụ bảo vệ tai đúng tiêu chuẩn nhằm giảm những hậu quả do tiếng ồn gây ra.

4.1.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố tai nạn lao

động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố sạt lở đất; sự cố tai nạn tại công trình; sự cố dịch bệnh, an toàn thực phẩm; sự cố đối với hồ lắng.

4.1.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật trong khai thác. Moong kết thúc khai thác được thiết kế giạt cấp để phòng chống sự cố sạt lở đất.

- Bố trí cán bộ phụ trách an toàn mỏ có chuyên môn để thường xuyên theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động khai thác theo đúng kỹ thuật, tránh để sự cố sạt lở đất xảy ra.

- Bố trí biển báo nguy hiểm tại phía Tây Dự án.

- Không đào khoét, khai thác hông chân và tránh những chấn động, những mảnh đất có nguy cơ bị sụp đổ. Khởi thông mương thoát nước tại các chân tầng khai thác, mương thoát nước của khu vực mỏ trước mỗi mùa mưa bão.

- Các phương tiện vận chuyển được phủ bạt để tránh rơi vãi đất đá trên đường.

- Khi trời mưa to, đất bờ rời thì nguy cơ sạt lở cao, Chủ dự án sẽ tạm ngừng khai thác để tránh những thiệt hại do sự cố này gây ra.

- Yêu cầu tất cả cán bộ công nhân rời khỏi khu vực Dự án trong trường hợp mưa bão, không ở lại khu vực Dự án.

- Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy phù hợp để sẵn sàng đối phó kịp thời trong mọi trường hợp một cách chủ động và có hiệu quả.

- Định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy, tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành.

- Tập huấn, nâng cao hiểu biết và khả năng ứng phó khi có cháy xảy ra cho công nhân của Dự án.

- Không sử dụng phương pháp đốt lửa để phát quang.

4.2. Giai đoạn đóng cửa mỏ

4.2.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

- Chủ dự án đưa ra các phương án kinh doanh mới như thăm dò và xin cấp phép khai thác ở những khu vực khác để vừa đảm bảo được nguồn cung cấp vừa đảm bảo được công ăn việc làm cho lao động, không gây ra tình trạng thất nghiệp.

- Chủ dự án tiến hành thu gom chất thải rắn, dọn vệ sinh sạch sẽ tại khu vực Dự án và hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom rác thải theo quy định, thu gom lá cây và tập kết tại các gốc cây để tạo độ ẩm và cung cấp chất hữu cơ cho cây.

- Chủ dự án cử người bảo vệ, giám sát rừng trồng, đặc biệt khi thời tiết hanh khô, phát dọn thực bì, làm đường ranh cản lửa; cải tạo phục hồi sau khi kết thúc khai thác.

4.2.2. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

4.2.2.1. Phương án:

- Dự án sẽ cải tạo phục hồi môi trường theo phương án: san gạt đất và trồng cây, cụ thể như sau:

- + Thực hiện tháo khô nước tại 3 hố lũng.
- + San gạt đất.
- + Trồng cây sau khi san gạt.
- + Tháo dỡ nhà nghỉ trưa.

4.2.2.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 634.222.000 đồng.
- Số lần ký quỹ: 02 (hai) lần.
- + Lần 1, số tiền: 158.556.000 đồng.
- + Lần 2, số tiền: 475.666.000 đồng/lần.
- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Thừa Thiên Huế; số tài khoản: 0161 000 000 345 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Huế.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2022.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn khai thác

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- Số vị trí giám sát: 02 vị trí.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang khai thác; 01 vị trí tại tuyến đường vận chuyển (tuyến về trang trại Hoàng Bằng qua ngã ba Độn Hóc).
- Thông số giám sát đặc trưng: bụi, CO, NO₂, SO₂, tiếng ồn, độ rung.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

5.1.2. Giám sát nước thải:

- Số vị trí giám sát: 03 vị trí.
- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước sau xử lý hố lũng 1; 01 mẫu nước sau xử lý hố lũng 2; 01 mẫu nước sau xử lý hố lũng tại trạm xịt, rửa lớp xe.

- Thông số giám sát: pH, TSS, tổng dầu mỡ khoáng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (giá trị C, cột B).
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

5.1.3. Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ.
- Nội dung giám sát: tổng lượng thải, chủng loại, khối lượng từng loại, thời gian và cách lưu trữ, xử lý.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

5.1.4. Giám sát các sự cố môi trường:

- Giám sát các sự cố có thể xảy ra như sụt lún, xói lở đất, cháy rừng,...
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

5.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn đóng cửa mỏ

5.2.1. Giám sát sự sinh trưởng và phát triển của cây:

- Theo dõi thường xuyên tình hình sâu bệnh, tỷ lệ cây con chết, mức tăng trưởng của cây để trồng dặm và tăng cường chăm sóc cây.
- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần và tùy thuộc vào tình hình thực tế tại khu mỏ.

5.2.2. Giám sát các sự cố môi trường:

- Giám sát các sự cố có thể xảy ra như sụt lún, xói lở đất, cháy rừng,...
- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần và tùy thuộc vào tình hình thực tế tại khu mỏ.

5.2.3. Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: toàn bộ phạm vi khu vực Dự án.
- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần và tùy thuộc vào tình hình thực tế tại khu mỏ./.